

Vai trò và đóng góp của Thiền Phái Liễu Quán trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 15:16 24/01/2026

Thiền phái Liễu Quán không chỉ là một hệ phái tu hành trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, mà còn là một hiện tượng văn hóa, xã hội đặc sắc. Dòng thiền này góp phần quan trọng vào việc định hình một Phật giáo mang tinh thần Việt, hòa nhập nhưng không hòa tan, nhập thế nhưng không đánh mất bản chất tu tập.

A. Mở đầu

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của **Phật giáo Việt Nam**, các dòng thiền không chỉ đóng góp vai trò là phương tiện tu tập tâm linh mà còn là dòng chảy văn hóa góp phần hình thành bản sắc tinh thần dân tộc. Từ thời Lý - Trần với thiền phái Trúc Lâm mang đậm tinh thần nhập thế, đến thời kỳ Đàng Trong với sự hình thành của thiền phái Liễu Quán, Phật giáo Việt Nam đã cho thấy khả năng bản địa hóa linh hoạt, hòa nhập sâu sắc với đời sống xã hội.

Trong bối cảnh đất nước phân tranh và đạo đức xã hội suy thoái vào cuối thế kỷ XVII, sự ra đời của thiền phái Liễu Quán không chỉ là một bước ngoặt trong lịch sử Phật giáo mà còn là minh chứng cho tinh thần phục hưng và sáng tạo mang đậm tính dân tộc.



Thiền sư Liễu Quán. Ảnh: Internet

Thiền phái Liễu Quán do thiền sư Liễu Quán sáng lập, không chỉ kế thừa tinh thần của thiền tông Lâm Tế từ Trung Hoa mà còn được phát triển theo hướng Việt hóa mạnh mẽ, phù hợp với căn cơ, đời sống và văn hóa người Việt. Dòng thiền này không những góp phần phục hồi đời sống Phật giáo vốn suy yếu thời điểm đó mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần và sinh hoạt tôn giáo của nhân dân Đàng Trong, đặc biệt là khu vực Thuận Hóa, Phú Xuân (Huế). Với phương pháp hành trì dung hòa giữa thiền và tịnh, cùng tinh thần nhập thế gắn bó với quần chúng, thiền phái Liễu Quán đã nhanh chóng lan tỏa và trở thành dòng thiền tiêu biểu trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tìm hiểu về sự hình

thành, truyền thừa, phương pháp hành trì và sự Việt hóa của dòng thiền này sẽ góp phần làm rõ vai trò của thiền phái Liễu Quán trong đời sống văn hóa, tôn giáo và lịch sử Việt Nam.

B. Nội dung

1, Lịch sử hình thành và truyền thừa của thiền phái Liễu Quán

1.1. Phật giáo Đàng Trong thời kỳ Nam - Bắc phân tranh

Vào đầu thế kỷ XVI, nhiều bậc cao tăng từ Trung Hoa sang Việt Nam (thuộc Đàng Trong do chúa Nguyễn quản lý) để hoằng dương Phật pháp. Trong đó có thiền sư Nguyên Thiều, người sáng lập chùa Thập Tháp Di Đà (Quy Nhơn), thiền sư Viên Cảnh và Viên Khoan (Quảng Trị), thiền sư Minh Hoằng Tử Dung[1], khai sơn chùa Ấn Tôn (tức chùa Từ Đàm); Thiền sư Tế Viên (chùa Hội Tôn ở Phú Yên), thiền sư Giác Phong khai sơn chùa Hàm Long (tức chùa Báo Quốc ở Thuận Hóa), thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (thuộc đời 34 thiền phái Lâm Tế) khai sơn chùa Chúc Thánh (Quảng Nam), cùng nhiều thiền sư khác. Các vị này đều thuộc dòng Lâm Tế và mở rộng ảnh hưởng của mình ở Thuận Hóa, Quảng Nam và các vùng phụ cận, góp phần đặt nền móng cho sự hình thành thiền phái Liễu Quán sau này.

Theo Thích Mật Thể: *“Liễu Quán hòa thượng lúc 6 tuổi đến chùa Hội Tôn thọ giới với ngài Tế Viên hòa thượng, được 7 năm thì ra Thuận Hóa học với Thiền sư Giác Phong ở chùa Báo Quốc. Sau đó, năm Ất Hợi (1695), ngài ra Thuận Hóa thọ sa di giới với ngài Thạch Liêm Hòa thượng; năm Đinh Sửu (1697) ngài thọ cụ túc giới với ngài Từ Lâm... Vào năm Kỷ Mão (1702) ngài đến Long Sơn vào bái yết Tử Dung hòa thượng cầu dạy pháp tham thiền”*[2]

Trong bối cảnh Phật giáo thời Nam - Bắc phân tranh (1528-1802), ở Đàng Ngoài có nhiều vị cao tăng nổi bật như Minh Châu Hương Hải, Lê Dụ Tôn...góp phần làm hưng thịnh Phật giáo nhờ hoạt động hoằng pháp, hòa hợp giữa Nho-Lão-Phật và tinh thần nhập thế. Ở Đàng Trong, kể từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn giữ Thuận Hóa, Phật giáo phát triển mạnh mẽ, được chúa Nguyễn trọng vọng. Trong hơn 200 năm, các chúa Nguyễn tích cực xây dựng chùa chiền, lập đàn cầu siêu, tổ chức đại giới đàn...tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Phật giáo, trong đó có sự xuất hiện và lan tỏa của thiền phái Liễu Quán.



(Ảnh: Internet)

Sự hình thành thiền phái Liễu Quán gắn liền với sự hiện diện của nhiều bậc cao tăng uyên thâm như thiền sư Nguyên Thiều, thiền sư Tế Viên, thiền sư Giác Phong, thiền sư Minh Hoàng Tử Dung và các vị thuộc thế hệ kế tiếp. Những vị này đã góp phần quan trọng đưa Phật giáo phát triển rộng khắp ở Đàng Trong.

Theo Việt Nam Phật giáo sử lược của Thích Mật Thể, thiền sư Liễu Quán khi còn trẻ đã theo học Phật pháp với thiền sư Giác Phong và thiền sư Tử Dung. Đặc biệt, vào khoảng các năm 1690-1691, ngài theo học và thọ pháp với thiền sư Tử Dung Minh Hoàng, từ đó hình thành nền tảng vững chắc của riêng mình, đặt cơ sở cho sự phát triển của thiền phái thuần Việt độc lập tại Đàng Trong.

1.2. Thiền sư Liễu Quán (1667-1742)

Thiền sư Liễu Quán là vị tổ đã khai sáng và duy trì dòng thiền Liễu Quán từ thế kỷ XVIII, đại diện tiêu biểu cho tư tưởng Phật giáo thời hậu Lê. Cuộc đời và sự nghiệp hoằng pháp của Ngài trở thành tấm gương sáng, có sức lan tỏa mạnh mẽ đối với Phật giáo Việt Nam. Không chỉ là nhân vật quan trọng trong phong trào phục hưng Phật giáo ở Đàng Trong, ngài còn góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và đánh dấu bước cải cách nổi bật của thiền phái Lâm Tế.

Từ khoảng giữa thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVII, đất nước Đại Việt chia thành hai vùng: Đàng Trong và Đàng Ngoài, ngăn cách bởi sông Gianh. Sự chia cách này dẫn đến khác biệt đáng kể về đời sống văn hóa xã hội. Đặc biệt, tại Đàng Trong sự di cư của cộng đồng Minh Hương đã đưa đến ảnh hưởng văn hóa từ phương Bắc. Phật giáo ở đây cũng không nằm ngoài làn sóng giao thoa này. Trước tình hình ấy, thiền sư Liễu Quán đã khẳng định vị thế của mình bằng cách sáng lập

một dòng thiền Phật giáo mới, mang đậm bản sắc thuần Việt, kế thừa và phát triển dòng Lâm Tế.

Ngày nay chúng ta biết đến hành trạng của tổ Liễu Quán qua tấm bia đá gắn vào bên trong thành phía Đông của tháp Ngài ở núi Thiên Thai.

Thiền sư Liễu Quán (1667-1742), họ Lê, húy là Thiệt Diệu, pháp tự là Liễu Quán, quê ở làng Bạc Má, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Năm lên 6 tuổi, mồ côi mẹ, cha đem Ngài đến chùa Hội Tôn thọ giáo với hòa thượng Tế Viên. Bảy năm sau, hòa thượng Tế Viên tịch, Ngài ra Thuận Hóa học với hòa thượng Giác Phong ở chùa Hàm Long (Báo Quốc). Ở đây được một năm, ngài trở về phụng dưỡng cha già. Qua 4 năm thân phụ mất, năm Ất Hợi (1695), Ngài trở lại Thuận Hóa thọ sa di giới với hòa thượng Thạch Liêm (phái Tào Động). Năm Đinh Sửu (1697), Ngài thọ cụ túc giới với hòa thượng Từ Lâm (phái Tào Động), tại chùa Từ Lâm. Năm Nhâm Ngọ (1702), Ngài đến Long Sơn tham yết hòa thượng Tử Dung cầu dạy pháp tham thiền. Hòa thượng dạy Ngài tham câu: *“Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ? (Muôn pháp về một, một về chỗ nào?)”*.

Ngài tham cứu đến bảy, tám năm mà chưa thấu triệt, trong lòng tự cảm thấy hổ thẹn. Một hôm, nhân đọc *Truyền Đăng Lục* đến câu: *“Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ”*, Ngài thoát nhiên tỏ ngộ. Năm Mậu Tý (1708), Ngài gặp lại hòa thượng Tử Dung ở chùa Ấn Tôn (Từ Đàm) và được trao pháp tham thiền quán chiếu. Mùa xuân năm Nhâm Thìn (1712), trong dịp lễ Vu Lan, Ngài trình bày sở đắc của mình qua kệ *“Dục Phật”*. Hòa thượng Tử Dung ấn chứng, công nhận Ngài đã thấu triệt yếu chỉ thiền tông, trở thành Tổ thứ 35 dòng Lâm Tế, pháp hiệu Thiệt Diệu. Sau đó, Ngài khai sơn chùa ở Thuận Hóa, lập nên thiền phái Liễu Quán.

Năm Nhâm Dần (1722), Ngài trở lại Phú Xuân, mở nhiều giới đàn lớn và độ hàng ngàn đệ tử. Năm Canh Thân (1740), Ngài trụ trì chùa Viên Thông, đến năm Nhâm Tuất (1742) thì viên tịch, hưởng thọ 76 tuổi. Trong suốt đời mình, Tổ sư Liễu Quán đào tạo 49 đệ tử, tiếp nối pháp mạch và truyền bá khắp vùng đất từ Thuận Hóa trở vào Nam.

Điểm đặc biệt là ngài Liễu Quán không chỉ học rộng hiểu sâu mà còn có căn cơ ngộ đạo sâu sắc. Ngài được truyền tâm ấn từ thiền sư Tử Dung, một vị sư thuộc phái Lâm Tế gốc Trung Quốc, thiền sư Liễu Quán đã vận dụng tư tưởng thiền kết hợp với tinh thần dân tộc, giản dị hóa ngôn ngữ và đưa giáo lý thiền đến với quần chúng hơn.

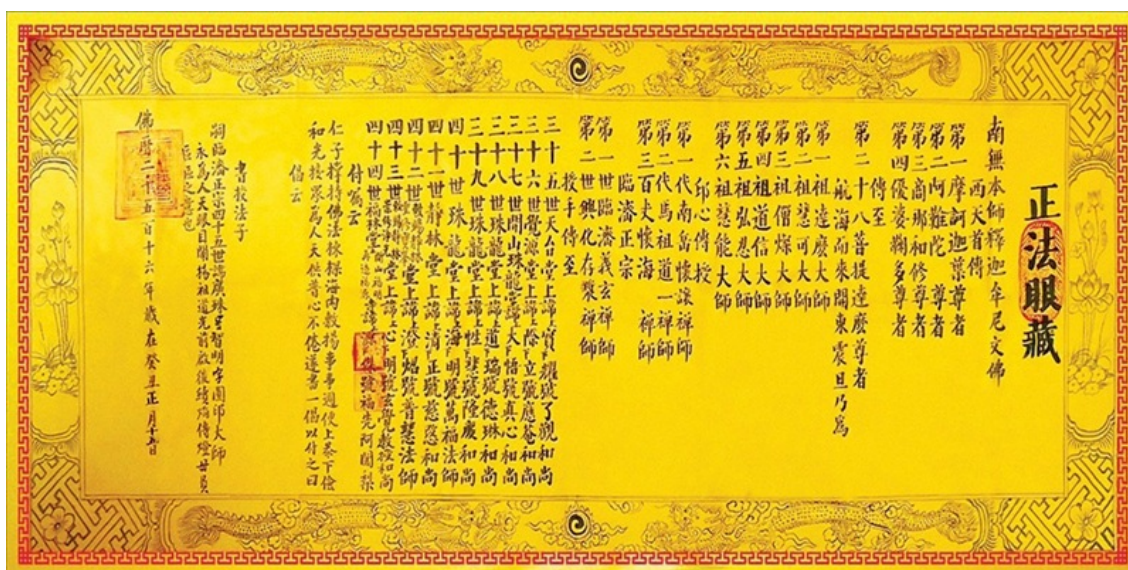
Sau khi đắc pháp, Ngài bắt đầu truyền đạo và xây dựng một hệ thống tổ chức rõ ràng, những đệ tử của Ngài đều trở thành những người truyền nối mạch

pháp, tiếp tục phát triển dòng thiền riêng biệt này. Từ đó, thiền phái Liễu Quán hình thành, trở thành dòng thiền Việt Nam duy nhất thời bấy giờ có hệ thống truyền thừa liên tục và tồn tại cho đến ngày nay.

“Nếu ở Đàng Ngoài, Thiền sư Chân Nguyên được xem là nhân vật then chốt để phục hưng Phật giáo Đàng Ngoài, thì ở Đàng Trong Thiền sư Liễu Quán cũng được xem là vị thiền sư lãnh đạo cuộc phục hưng Phật giáo Đàng Trong...

...Thiền sư Liễu Quán đã làm cho thiền phái Lâm Tế trở thành một thiền phái linh động, có gốc rễ ở Đàng Trong. Trước ông, Phật giáo ở Đàng Trong mang nặng màu sắc Quảng Đông. Ông đã Việt hóa thiền phái Lâm Tế, và làm cho thiền phái này trở thành thiền phái của đa số Phật tử Đàng Trong. Kiến trúc lễ nhạc bắt đầu trút bỏ màu sắc Trung Quốc và từ từ mang lấy màu sắc dân tộc. Những bài tán lễ như "Cực lạc Từ Hàng" chẳng hạn, đã hoàn toàn mang màu sắc Việt. Bốn vị đệ tử lớn của ông là Tổ Huấn, Trạng Quan, Tế Nhân và Từ Chiếu đã tạo lập bốn trung tâm hoàng đạo lớn, và hàng chục tổ đình được tạo dựng khắp Đàng Trong trong thế kỷ 18 đã thuộc về môn phái Liễu Quán. Phong trào Phật giáo phục hưng ở thế kỷ 20 đã dựa trên cơ sở của môn phái mang tên ông...”.[3]

1.3. Quá trình truyền thừa của dòng Thiền Liễu Quán



Phổ hệ truyền thừa thiền phái Liễu Quán tại Bình Định - Ảnh: Phật Sự Online

Ngài Liễu Quán là thiền sư đời thứ 35 của thiền Lâm Tế (Trung Quốc), khai sơn chùa Thiền Tôn (Huế), Ngài đặc biệt xuất dòng kệ phái Liễu Quán:

“Thiệt tế đại đạo, tính hải thanh trừng

Tâm nguyên, quảng, nhuận, đức bốn từ phong

Giới, định, phước huệ, thể dụng viên thông

Vĩnh siêu trí quả, mật khế thành công

Truyền tri diệu lý, diễn xướng chính tông

Hạnh giải tương ưng, đạt ngộ chơn không”

Phật giáo Đàng Trong hầu hết đều thuộc dòng thiền Liễu Quán, Ngài đã cho xây dựng các chùa lớn như Thuyền Tôn, Viên Thông ở Huế, các trung tâm hoàng pháp lớn thời ấy đều do các đệ tử của Ngài như Trừng Trạm, Tổ Huấn, Từ Chiếu, Tế Nhân dựng nên. Chỉ riêng ở quê hương Phú Yên, nhiều đệ tử của thiền sư đã là tổ khai sơn của nhiều chùa, truyền bá thiền phái Liễu Quán rất mạnh, như hòa thượng Tế Duyên chùa Kim Cang, Tế Căn chùa Hồ Sơn, Tế Đồng chùa Bình Quang, Tế Hâu chùa Bảo Tịnh, Tế Sáng chùa Dương Long, Tế Ngạn chùa Long Sơn (Hòa Định), Tế Đài chùa Kim Long, Tế Tín chùa Long Sơn (An Mỹ), Tế Thường chùa Vĩnh Phước và Vĩnh Long, Tế Pháp Chuyên chùa Từ Quang (Đá Trắng)...

Khi đất nước được mở rộng về phương Nam thì đã có rất nhiều vị danh tăng mang pháp danh theo dòng kệ phái Liễu Quán đi theo dòng Nam tiến của dân tộc, đem chính pháp truyền đến tận những vùng xa xôi của đất nước, và cũng chính những vị này theo dòng phù sa, đã gieo trồng chính pháp trong lòng người dân hiền hòa, trung hậu khắp vùng đồng bằng châu thổ.

Nói về các đệ tử đặc pháp của Tổ Liễu Quán, theo văn bia tại Tổ đình Thuyền Tôn thì Tổ Liễu Quán có đến bốn mươi chín đệ tử đặc pháp, tất cả các vị này đều được Tổ đặt chữ “Tế” theo bài kệ Tổ biệt xuất.

Căn cứ theo kệ truyền thừa thì các đệ tử này ở thế hệ thứ 36 của dòng thiền Lâm Tế chính tông, cũng có thể nói rằng bốn mươi chín cao đệ này đều cùng Tổ vị là Đệ nhị Tổ của Thiền phái Tử Dung - Liễu Quán tại Thuận Hóa, trong đó có Thiền sư Tế Nhơn Hữu Phỉ được chúa Nguyễn Phúc Khoát chính thức công nhận là Đệ nhị Tổ của Thiền phái Tử Dung - Liễu Quán tại Thuận Hóa.

Theo *Lịch sử Phật giáo xứ Huế* của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, thì “trong 49 vị đặc Pháp với Tổ Liễu Quán, có cả người ở phủ Phú Yên, hoặc người ở các huyện Đăng Xương, Hải Lăng ở Quảng Trị hiện nay”^[4]. Sự phát triển của Thiền phái Tử Dung - Liễu Quán tại Thuận Hóa được nối tiếp thế hệ thứ hai (tức đời thứ 36 thiền phái Lâm Tế - Liễu Quán, và đời thứ 2 của chi thiền phái Tử Dung - Liễu Quán) đó là ngài Tế Hiệp Hải Điện, tương truyền vào mùa thu năm Nhâm

Tuất (1742), sau khi Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán viên tịch, thì ngài Tế Hiệp Hải Điện được lên kế thế trụ trì Tổ đình Thuyền Tôn làm Đệ nhị Tổ Thiền phái Tử Dung - Liễu Quán.

Tổ Liễu Quán lúc đầu Ngài học Thiền Tào Động, thọ giới Sa di theo tông Tào Động, thọ Tỷ-kheo theo tông Lâm Tế và đắc pháp với Hòa thượng Minh Hoàng Tử Dung, kế thừa tông phong Lâm Tế, Ngài là người khai sáng ra dòng thiền mới, có gốc rễ ở Đàng Trong. *“Rõ ràng, điều ngài quan tâm không phải là Lâm Tế hay Tào Động, mà là một cánh cửa đi vào nơi không có cửa, đi vào đạo giải thoát”*.^[5]

2. Phương pháp hành trì của Thiền phái Liễu Quán

Thiền phái Liễu Quán bắt nguồn từ dòng Lâm Tế, một hệ phái lớn của thiền tông Trung Hoa, du nhập vào Việt Nam từ thời nhà Trần và tiếp tục phát triển trong các thế kỷ sau. Hệ phái này đặc biệt nhấn mạnh đến phương pháp công án, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật. Tổ Liễu Quán là người tiếp nhận dòng thiền này từ tổ Tế Viên Minh và truyền bá rộng rãi ở trong Đàng Trong (nay là miền Trung Việt Nam). Dưới sự phát triển của ngài Liễu Quán, thiền Lâm Tế được điều chỉnh và thích nghi với hoàn cảnh văn hóa xã hội Việt Nam, tạo nên sắc thái riêng, gần gũi với người dân, không quá thiên về luận lý siêu hình mà nhấn mạnh vào sự tu chứng thực tiễn.

Điểm nổi bật của thiền phái này là sự kết hợp linh hoạt giữa 3 yếu tố: Thiền - Giáo - Tịnh.



Thiền sư Nguyên Thiều. Ảnh: Internet

Thiền là pháp môn chính nhằm giúp hành giả quay vào nội tâm, trực nghiệm chân lý, vượt qua những chấp ngã, chấp pháp.

Giáo là việc học hỏi và hành trì theo kinh điển, đặc biệt là các bộ kinh Đại thừa như Kim Cang, Pháp Hoa, Bát Nhã...giúp hành giả có được một nền móng trí tuệ vững chắc.

Tịnh là sự hành trì niệm Phật, thường là niệm Phật A Di Đà, kết hợp với thiền quán để nuôi dưỡng chính niệm và định tâm.

Sự kết hợp ba yếu tố này là hình thức tu tập toàn diện, thích hợp với nhiều căn cơ, vừa phù hợp với lý tưởng giải thoát của Đại thừa, vừa phù hợp với đời sống tu tập của mọi người.

2.1. Thiền tọa

Phương pháp tu tập chủ yếu của thiền phái này là thiền tọa, kết hợp với quán chiếu thực tại, đặc biệt là hai đặc tính căn bản: vô thường và vô ngã.

Vô thường là nhận thức rằng mọi hiện tượng trong đời sống đều biến đổi, không có gì tồn tại vĩnh viễn. Vô ngã là sự hiểu biết sâu sắc rằng không có một “cái tôi” cố định, tất cả chỉ là sự vận hành của các pháp duyên sinh.

Thông qua quá trình thực hành thiền tọa, hành giả buông bỏ vọng tưởng, nhìn sâu vào bản chất của thực tại, để từ đó nhận ra chân tính đạt đến sự giải thoát khỏi khổ đau.

2.2. Tu ngay trong đời sống

Thiền phái Liễu Quán là tinh thần tu tập giữa đời thường, không giống như sự tu tập ẩn cư nơi núi rừng của một số trường phái Phật giáo, thiền Liễu Quán khuyến khích hành giả tu tập ngay giữa chợ đời, giữa những lo toan thường ngày. Quan điểm này xuất phát từ nhận thức rằng: chân lý không ở đâu xa, mà có mặt ngay trong từng hơi thở, từng hành động hàng ngày nếu ta có chính niệm.

Tinh thần nhập thế này đã giúp thiền phái gần gũi hơn với người dân Việt, đặc biệt là tầng lớp bình dân, tiểu nông, cư sĩ... Đồng thời, cũng khẳng định rằng con đường giác ngộ không chỉ dành cho những ai rời bỏ thế gian, mà dành cho tất cả những ai biết quay về với chính mình.

2.3. Tập trung vào tự lực, khai ngộ từ tâm

Thiền phái Liễu Quán nhấn mạnh yếu tố tự lực trong tu tập. Hành giả không ỷ lại vào tha lực của chư Phật, Bồ Tát, mà phải tự mình tỉnh thức, tự mình chuyển hóa. Tổ Liễu Quán từng dạy: *“Tâm tức Phật, Phật tức tâm. Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm.”* Điều này phản ánh triết lý *“kiến tính thành Phật”* của Thiền tông chỉ có thông qua tự tâm, con người mới có thể đạt đến sự giác

ngộ chân thật. Tự lực không có nghĩa là phủ nhận tha lực, mà là đặt trọng tâm vào trách nhiệm bản thân trên con đường giải thoát, từ đó khơi dậy niềm tin mạnh mẽ vào khả năng giác ngộ vốn có trong mỗi người.

2.4. Ảnh hưởng đến tư tưởng, đạo đức và lối sống người Việt

Triết lý của thiền phái này mang tinh thần “nhập thế”, gần gũi với đời thường, lấy trí tuệ và đạo đức làm nền tảng. Điều này khác với các dòng tu theo kiểu xuất thế, xa rời cuộc sống trần tục. Với phương châm tu hành giản dị, lấy thiền định làm cốt lõi, thiền Liễu Quán giúp mọi người tiếp cận Phật giáo không qua hình thức nghi lễ rườm rà mà bằng chính sự tỉnh thức trong từng hành động hàng ngày. Tư tưởng đó đã ngấm sâu vào đời sống nông thôn miền Trung, nơi người dân sống thanh tịnh, kiệm ước, trọng đạo lý và giàu lòng bao dung, những phẩm chất đặc trưng của người Việt.

Chùa thiền Thiền phái Liễu Quán không chỉ là nơi thờ Phật, mà còn là trung tâm sinh hoạt cộng đồng: nơi dạy học chữ Nho, truyền dạy đạo lý, nơi tổ chức lễ hội, cầu an, cầu mưa, phát chẩn, giúp đỡ dân nghèo. Rất nhiều lễ hội dân gian mang tính Phật giáo tại Huế, Bình Định, Phú Yên chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Thiền tông, nhưng được Việt hóa thành các lễ thức gần gũi, như: lễ Vu Lan báo hiếu, lễ hội rằm tháng Giêng, lễ Phật Đản, lễ cầu siêu cho nghĩa sĩ... Không gian chùa, không gian thiền, trở thành phần không thể thiếu trong kiến trúc làng xã Việt Nam. Tại nhiều địa phương, chùa gắn với đình, miếu, đền thành cụm di tích tín ngưỡng đa tầng lớp, thể hiện sự hòa hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa. Điều này góp phần tạo nên nét độc đáo trong văn hóa tâm linh người Việt, không rập khuôn giáo điều mà linh hoạt, uyển chuyển theo nhu cầu tinh thần của cộng đồng.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Thiền phái Liễu Quán không chỉ có ảnh hưởng đến tư tưởng sống, mà còn góp phần làm giàu cho kho tàng văn học Phật giáo và tư tưởng Việt Nam. Thiền sư Liễu Quán, ngoài vai trò là người sáng lập dòng thiền, còn để lại nhiều bài kệ, văn khai thị mang hàm nghĩa sâu xa, vừa thể hiện tinh thần thiền tông, vừa thấm đẫm tính nhân văn. Các tác phẩm của Ngài là những văn bản có giá trị cao trong văn hóa, triết học dân tộc. Dòng thiền này cũng ảnh hưởng đến nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, thư pháp và hội họa Việt Nam, đặc biệt là nghệ thuật tạc tượng Phật, trang trí pháp khí và không gian chính điện. Kiến trúc chùa Huế và các vùng lân cận mang đậm mỹ cảm truyền thống nhưng cũng đầy thiền vị, nhấn mạnh đến sự thanh thoát, an tĩnh, không cầu kỳ. Tất cả tạo nên một diện mạo thẩm mỹ Phật giáo rất Việt, không vay mượn nguyên si từ Trung Hoa hay Ấn Độ.

Trong bối cảnh lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII, thiền phái đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định tinh thần xã hội trước thế sự loạn lạc. Khi đất nước bị chia cắt, khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn và phong trào Tây Sơn nổ ra, chùa chiền và giới tăng sĩ của dòng thiền đã trở thành chỗ dựa tinh thần cho nhân dân. Nhiều thiền sư đồng hành cùng dân tộc không chỉ trong tu hành mà cả trong cứu đói, cứu nạn, giảng dạy đạo lý, góp phần giữ gìn đạo đức xã hội.

Ngày nay, tư tưởng và ảnh hưởng của thiền phái vẫn tiếp tục hiện diện trong đời sống văn hóa, đặc biệt ở miền Trung. Nhiều chùa cổ do đệ tử dòng thiền này xây dựng vẫn tồn tại và phát triển như: Chùa Thiên Tôn, Chùa Từ Hiếu, Chùa

Quốc Ân (Huế), Chùa Thập Tháp (Bình Định), Chùa Bảo Lâm (Phú Yên)... Những ngôi chùa này không chỉ là điểm hành hương tâm linh mà còn là trung tâm giáo dục đạo đức, văn hóa và bảo tồn bản sắc Phật giáo Việt. Các thiền viện, trung tâm hoằng pháp ngày nay cũng tiếp nối tinh thần nhập thế, gần gũi, giản dị, phù hợp với đời sống hiện đại. Việc người dân tìm đến thiền như một phương pháp sống tỉnh thức, chữa lành và cân bằng tâm lý cũng cho thấy sức sống bền bỉ của dòng thiền này trong xã hội đương đại.

3. Ảnh hưởng và quá trình Việt hóa của dòng thiền Liễu Quán

3.1. Việt hóa trong tu tập và nghi lễ

Thiền phái Liễu Quán là phái thiền thuần Việt, do người Việt sáng lập, thoát khỏi mọi ràng buộc của văn hóa nước ngoài. *“Niềm tin của Tổ đã hiện thực, vì sau khi Ngài viên tịch, dòng thiền Liễu Quán của Ngài đã phổ cập khắp nơi, rồi cùng đi theo với bước chân của dòng thiền ấy là vô số những ánh lửa bùng lên thắp sáng cả một miền Nam đất Việt suốt trên hai thế kỷ nay. Trong đó có biết bao người nhờ ánh sáng này mà tái dựng lại cuộc đời hướng mục tiêu của đời người đến cứu cánh giác ngộ!”*

“Văn hóa Thiền Việt Nam thể hiện lối sống của người Phật tử Việt Nam, không chỉ tu tập theo Thiền tông Trung Hoa mà có cả sự dung hợp với pháp môn Tịnh độ, Mật giáo, hòa vào văn hóa gốc của người Việt, có những biến đổi phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của người Việt trong từng thời kỳ lịch sử”.^[6] Chính tinh thần này đã tạo nên tinh thần hòa hợp dân tộc trong tiến trình đồng hóa pháp môn tu vào cùng với tư tưởng của người Việt, trên nền tảng Phật giáo làm chủ đạo.

Tinh thần hoằng pháp của thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong, không những xây chùa, thuyết pháp, tụng đọc kinh điển, ngoài ra các hình thức nghi lễ và các tập tục thờ cúng theo truyền thống Lâm Tế cũng được các nhà sư người Trung Hoa tiếp biến thuận theo phong tục tín ngưỡng người Việt. Sau đó các nhà sư người Việt đã chỉnh sửa dần trở thành loại hình văn hóa Phật giáo của người Việt, từ đó các lễ hội văn hóa tín ngưỡng ở mỗi vùng miền của Đàng Trong khi thực hiện nghi lễ đều có bóng dáng của thiền phái Lâm Tế, bởi vì tinh thần của người Việt *“Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”* đã ăn sâu vào tư tưởng của họ, nên ở đâu có người ở, nơi đó có làng xã, nơi đó có ít nhất một ngôi chùa cùng với đình miếu, và truyền thống *“Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông”* luôn được vun đắp theo chiều dài lịch sử của dân tộc.

Chùa Vĩnh Ân, tọa lạc gần núi Bàn ở phía Tây núi Ngự Bình, được chúa Nguyễn ban đất và kinh phí để xây dựng. Sau khi Tổ sư trở về Trung Hoa thỉnh pháp khí phục vụ cho công cuộc hoằng pháp, chúa Nguyễn đã ban thưởng và đổi tên chùa thành “*Sắc Tứ Quốc Ân*”. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Tổ sư Nguyên Thiều, thiền phái Lâm Tế bắt đầu lan rộng khắp vùng Đàng Trong. Các đệ tử lớn của Ngài đảm nhận trách nhiệm trụ trì tại nhiều ngôi chùa quan trọng ở Thuận Hóa như chùa Thiên Mục, chùa Thiền Lâm, chùa Từ Lâm... Những vị tăng sĩ nổi bật của thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong gồm Minh Giác Kỳ Phương, Minh Vật Nhất Trí, Minh Hoàng Từ Dung, Liễu Triệt... Tất cả đều có đóng góp đáng kể trong việc hỗ trợ Tổ sư Nguyên Thiều đào tạo tăng tài, duy trì và phát triển thiền phái Lâm Tế trên vùng đất Đàng Trong.

Các bộ kinh Đại thừa như Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Mục Liên Sám Pháp, Kinh Hoa Nghiêm... vốn là nguồn dưỡng chất tinh thần, nhanh chóng được đón nhận và trở thành phần quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của Phật tử thuộc thiền phái Lâm Tế. Ngay từ những ngày đầu, khi các thiền sư Trung Hoa mang kinh điển Đại thừa vào Đàng Trong bằng tiếng Hoa, các tăng sĩ tại các ngôi chùa Lâm Tế cùng các dịch giả kinh điển nỗ lực chuyển dịch những bản kinh này sang tiếng Việt. Nhờ vậy, tín đồ Việt Nam dễ dàng tiếp cận, đọc tụng và nghiên cứu, biến chúng thành những tài liệu thiết yếu trong tu tập và hành trì hàng ngày. Trải qua nhiều biến động lịch sử, tinh hoa Phật giáo Đại thừa vẫn được các bậc cao tăng Việt Nam gìn giữ, nghiên cứu và giảng dạy một cách hệ thống, tạo sự vững chắc cho Phật giáo Việt Nam phát triển cho đến nay.

3.2. Việt hóa trong kiến trúc và văn hóa chùa chiền

Phật giáo từ khi du nhập vào Việt Nam đã trải qua quá trình bản địa hóa mạnh mẽ để phù hợp với tinh thần, lối sống và tâm hồn người Việt. Một trong những minh chứng đó là sự Việt hóa trong kiến trúc và văn hóa chùa chiền của thiền phái Liễu Quán, mang đậm dấu ấn dân tộc, đặc biệt như Huế, Bình Định, Phú Yên.

Từ khi thiền phái Lâm Tế có mặt ở Đàng Trong đã mang tầm ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, mang lại cho Phật giáo vùng đất này với nhiều kiến trúc chùa tháp hết sức độc đáo trên sự viên dung của các tôn giáo, làm cho đậm đà tính hòa hợp dân tộc. Điển hình cho sức ảnh hưởng của thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong bằng hình ảnh các nhà sư Trung Hoa đến vùng đất Nam bộ, là đội ngũ chư tăng thuộc hàng huynh đệ của Tổ sư Nguyên Thiều đã khai sơn nhiều ngôi chùa với đường lối kiến trúc mang đậm dấu ấn của thiền phái Lâm Tế như chùa Giác Lâm, Giác Viên ở Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc chùa Châu Thới ở Bình Dương, chùa Đại Giác ở Biên Hòa,... mang nét văn hóa người Việt kết hợp với

văn hóa tín ngưỡng dân gian một rất cách hài hòa, thể hiện tinh thần hòa hợp dân tộc giữa các nước trong dòng chảy lịch sử dân tộc, cho nên sự du nhập của thiền phái Lâm Tế vào xứ Đàng Trong một cách có hệ thống và mạch lạc.

Trước hết, sự Việt hóa trong kiến trúc chùa chiền được thể hiện rõ qua bố cục truyền thống “Tam quan - Tam bảo”, vốn là mô hình phổ biến trong chùa Việt nhưng được thể hiện đậm và đặc sắc trong các ngôi chùa thuộc thiền phái Liễu Quán. Cổng tam quan không chỉ là lối đi mà đó còn là biểu tượng cho ba cánh cửa đưa con người đến với chân lý giác ngộ: *“không môn, vô tướng môn, vô tác môn”*. Tam quan ở các chùa miền Trung thường được xây dựng bằng gỗ hoặc đá, sử dụng ngói âm dương và các hoa văn truyền thống như rồng, phượng, hoa sen mang đậm chất Việt, đơn sơ nhưng tôn nghiêm.

Tiến vào trong chùa là không gian Tam bảo, nơi thờ ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng. Không gian được thiết kế ở giữa thờ Phật, hai bên thờ Tổ và chư tăng, tượng trưng cho sự kết nối giữa đức tin, giáo lý và cộng đồng tu tập. Các chùa thuộc thiền phái Liễu Quán cũng thường có vườn chùa, không gian xanh bao quanh chính điện, kết hợp giữa thiên nhiên và tâm linh. Điểm này tạo nên cảm giác thanh tịnh, hài hòa giữa đạo và đời, sự tĩnh tại trong thiền định.

Một điểm khác chính là thiền thất, nơi dành cho chư tăng tu tập, thất thường nhỏ gọn, nằm sâu trong khuôn viên chùa hoặc tách biệt với chính điện, được xây bằng tre, gỗ, đá... Kiến trúc này cho thấy tinh thần “tùy duyên” giản dị, gần gũi của thiền phái rất phù hợp với truyền thống tu hành khổ hạnh của người Việt.

Không chỉ về mặt kiến trúc, sự Việt hóa còn thể hiện trong văn hóa chùa chiền gắn với đời sống người dân. Tại các vùng miền Trung như Huế, Bình Định, Phú Yên, chùa không chỉ là nơi thờ tự mà còn là trung tâm văn hóa, giáo dục và đoàn kết cộng đồng. Tại Huế, nhiều ngôi chùa như Thiên Mụ, Từ Đàm, Báo Quốc... đều mang giá trị tâm linh và biểu tượng của trí tuệ, lòng yêu nước. Thiền sư Liễu Quán từng tu học và truyền pháp tại Huế, nơi đã trở thành thiền phái mang tên Ngài. Kiến trúc chùa Huế mang nét trang nghiêm, kết hợp với cấu trúc dân gian và cung đình, thể hiện vai trò của Phật giáo trong đời sống tinh thần và chính trị triều Nguyễn.

Tại Bình Định, nơi Thiền sư Liễu Quán bắt đầu con đường tu hành, chùa chiền thường mang vẻ mộc mạc, đơn sơ, hòa vào không gian làng quê. Đây là vùng đất võ và thiền, nơi hội tụ giữa tinh thần thượng võ và đạo lý nhân sinh. Các chùa ở đây có quy mô vừa phải, chú trọng nội dung tu học hơn là phô trương hình thức. Điều đó cho thấy Phật giáo tại đây đã ăn sâu vào đời sống người dân một cách tự nhiên, không cần sự phô diễn.

Trong khi đó, Phú Yên vùng đất ven biển yên bình, là nơi tiếp nhận mạnh mẽ ảnh hưởng của Thiền phái Liễu Quán. Các chùa tại đây thể hiện rõ nét giao thoa giữa tín ngưỡng bản địa và tư tưởng Thiền tông. Nhiều lễ hội Phật giáo mang màu sắc dân gian được tổ chức thường niên, gắn với mùa vụ, cầu mưa thuận gió hòa, thể hiện sự gắn bó giữa đạo và đời, giữa Phật pháp và tín ngưỡng dân tộc.

Sự Việt hóa trong kiến trúc văn hóa chùa chiền của thiền phái Liễu Quán là quá trình bản địa hóa tự nhiên, bền vững. Thiền không chỉ hiện diện trong giảng đường, trong kinh kệ mà còn trong từng nếp nhà, sân chùa, lối sống người dân. Chùa là biểu tượng văn hóa, là tâm hồn dân tộc, sự Việt hóa không làm mất đi tinh thần Phật giáo nguyên thủy mà còn góp phần làm cho Phật giáo trường tồn trong lòng dân tộc.

4. Đóng góp vào văn hóa, xã hội Việt Nam

Thiền phái Liễu Quán không chỉ đóng vai trò trong lĩnh vực tâm linh, mà còn góp phần quan trọng vào quá trình phát triển văn hóa, giáo dục và bảo vệ bản sắc dân tộc. Những đóng góp ấy thể hiện rõ qua sự gắn bó với lịch sử dân tộc, sự hiện diện tích cực trong các phong trào chấn hưng Phật giáo, và thông qua các nhân vật thiền sư lỗi lạc, những người vừa là nhà tu hành, vừa là nhà thơ, nhà giáo dục và nhà yêu nước.

Từ sự phân tranh giữa Đàng Trong - Đàng Ngoài đến các cuộc chiến tranh chống xâm lược, các thiền sư thuộc dòng Liễu Quán không chỉ là người hướng dẫn tâm linh mà còn là chỗ dựa tinh thần cho nhân dân. Nhiều ngôi chùa từng là nơi cất giấu lương thực, che chở nghĩa sĩ, hay làm nơi hội họp bí mật của các lực lượng kháng chiến. Thiền phái này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc khi đất nước đứng trước nguy cơ bị đồng hóa từ ngoại bang. Bằng việc Việt hóa kiến trúc, ngôn ngữ giảng pháp và nghi lễ Phật giáo, thiền phái Liễu Quán đã giúp Phật giáo trở nên gần gũi, gắn bó sâu sắc với dân tộc, góp phần duy trì sự độc lập về tư tưởng và tinh thần.

Sang thế kỷ XX, trước sự suy thoái của Phật giáo và ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, nhiều thiền sư và học giả tiếp nối tinh thần thiền phái Liễu Quán đã tích cực tham gia phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Trung. Huế, trung tâm của dòng thiền này cũng là nơi khởi đầu của phong trào, với sự ra đời của các tổ chức như An Nam Phật học hội (1932), các tạp chí Phật học, trường học và cơ sở giáo dục dành cho tăng sĩ và cư sĩ. Các tăng sĩ chịu ảnh hưởng từ thiền phái Liễu Quán chủ trương cải tổ Phật giáo theo hướng vừa hiện đại, vừa dân tộc, kết hợp nghiên cứu giáo lý với hành đạo thực tiễn, khuyến khích giáo dục

Phật pháp bằng tiếng Việt, giản lược nghi lễ, đưa đạo Phật trở về đúng với vai trò phục vụ đời sống con người. Nhờ vậy, Phật giáo không những được phục hưng mà còn trở thành một phần tích cực trong công cuộc chấn hưng văn hóa dân tộc giữa thời kỳ thực dân.

Thiền sư Liễu Quán vị tổ sáng lập dòng thiền, là một nhà giáo dục lớn, từng khai sáng nhiều thế hệ đệ tử, trong đó có những vị tổ tiếp nối mạnh mẽ tinh thần dân tộc và nhập thế. Các thiền sư thế hệ sau như Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể, Thích Thiện Siêu... vừa là các nhà nghiên cứu Phật học, vừa là nhà giáo dục uyên bác, đóng vai trò lớn trong việc truyền bá Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ, xuất bản kinh sách, mở trường dạy giáo lý, văn hóa cho giới trẻ.

Một số thiền sư còn dẫn thân vào phong trào yêu nước, đấu tranh giành độc lập dân tộc, hoặc nuôi giấu cán bộ cách mạng, lấy chùa làm hậu cứ tinh thần cho các phong trào kháng chiến. Những con người này đã làm phong phú thêm hình ảnh người tu sĩ trong xã hội Việt Nam, không chỉ tu hành khổ hạnh mà còn học rộng, có tinh thần trách nhiệm với xã hội, với vận mệnh dân tộc.

Chính sự kết hợp này đã giúp Phật giáo, qua Thiền phái Liễu Quán, không trở thành tôn giáo yếm thế mà trở thành một dòng chảy văn hóa, xã hội sâu sắc, đầy sức sống và gắn bó với dân tộc.

C. Kết luận

Thiền phái Liễu Quán không chỉ là một hệ phái tu hành trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, mà còn là một hiện tượng văn hóa, xã hội đặc sắc. Dòng thiền này góp phần quan trọng vào việc định hình một dòng Thiền Phật giáo mang tinh thần Việt hóa, hòa nhập nhưng không hòa tan, nhập thế nhưng không đánh mất bản chất tu tập. Trong bối cảnh hiện đại, khi xã hội ngày càng đối diện với nhiều thách thức về đạo đức, tâm linh và văn hóa, thì tinh thần nhập thế, thực tiễn và bản địa hóa của Thiền phái Liễu Quán vẫn còn nguyên giá trị. Đó chính là ngọn đèn trí tuệ, là mạch nguồn đạo lý tiếp tục soi sáng và nuôi dưỡng đời sống tinh thần của người Việt hôm nay và mai sau.

Tác giả: **Thích nữ Tuệ Hiếu** - Học viên lớp cao học khóa IV, tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Chú thích:

[1] Thiền sư Minh Hoàng Tử Dung thuộc đời 34 Lâm Tế, quê Quảng Đông theo ngài Nguyên Thiều qua An Nam ở Thuận Hóa lập chùa Ấn Tôn (tức chùa Từ Đàm, Hội quán hội Phật học bây giờ).

[2] Thích Mật Thể, Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Tôn Giáo.

[3] Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận II*, Nxb Phương Đông, tr.490 - 494.

[4] Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

[5] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), *Thiền học Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, tr.275.

[6] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế, Ths Lương Quý Ngọc, *Văn hóa Phật giáo Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, tr.251.

Tài liệu tham khảo:

1/ Hội thảo khoa học Thiền phái Liễu Quán, Lịch sử hình thành và phát triển (2023).

2/ Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Nxb Tôn Giáo.

3/ Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận II*, Nxb Phương Đông.

4/ Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế, ThS Lương Quý Ngọc, *Văn hóa Phật giáo Việt Nam*, Nxb Phụ nữ.

5/ Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

6/ Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), *Thiền học Việt Nam*, Nxb Phụ nữ.

7/<https://giacngo.vn/ngai-lieu-quan-vi-to-sang-lap-dong-thien-viet-nam-anh-huong-lon-tu-the-ky-xviii-cho-toi-nay-post60052.html>, truy cập ngày 8/8/2025.

8/<https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/23668>, truy cập ngày 8/8/2025.

9/<https://thuvienhoasen.org/a38899/thien-su-te-nhon-huu-bui-voi-dong-thien-lieu-quan-dat-phuong-nam>, truy cập ngày 8/8/2025.